

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư (đợt 36) Khu phi thuế quan thuộc dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Xét đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu phi thuế quan, Khu kinh tế Nhơn Hội tại Tờ trình số 07/TTr-HĐBT ngày 28/02/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư (đợt 36) Khu phi thuế quan thuộc dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội như sau:

1. Về bồi thường, hỗ trợ:

* Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 4.873.113.511 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, một trăm mười ba nghìn, năm trăm mười một đồng*)

Trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ là : 4.616.212.828 đồng

(*Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm*)

- Giá trị hỗ trợ tiền thuê nhà ở : 96.000.000 đồng

(*Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm*)

- Thuởng đẩy nhanh tiến độ GPMB : 56.000.000 đồng

(*Chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm*)

- Chi phí phục vụ GPMB (2%) là : 95.364.257 đồng

- Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế (0,2%): 9.536.426 đồng

* Nguồn vốn chi trả: Ngân sách Nhà nước.

2. Về tái định cư: Bố trí 21 lô đất tái định cư cho 08 hộ và 13 cặp vợ chồng tăng thêm trong hộ; tổng số tiền sử dụng đất ở các hộ, cá nhân phải nộp là 1.585.305.000 đồng.

(*Chi tiết tại Phụ lục 04 đính kèm*)

Điều 2. Thường trực Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu phi thuế quan, Khu kinh tế Nhơn Hội tổ chức thực hiện.



Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu phi thuế quan, Khu kinh tế Nhơn Hội; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các hộ dân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Phan Cao Thắng;
- PVP CN;
- Lưu: VT, K6. *Jul*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Cao Thắng

Phụ lục 01

Giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 36) Khu phi thuế quan thuộc dự án Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội

(Kèm theo Quyết định số **730** /QĐ-UBND ngày **08/3/2017**

của Ủy ban UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ
1	Nguyễn Thị Bốn	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	564.494.604
2	Trần Ly Trần Thị Chín	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	526.392.689
3	Trần Dư	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	924.645.259
4	Đặng Hùng Nguyễn Thị Tài	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	359.610.015
5	Phạm Hồi Lê Thị Liên	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	890.084.977
6	Phạm Tiến Dũng Nguyễn Thị Thanh	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	177.667.935
7	Lê Mãi	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	627.180.108
8	Trịnh Khai Trần Thị Vân	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	546.137.241
9	Trần Sơn Nguyễn Thị Dư	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	0
10	Dương Thế Huệ Nguyễn Thị Mai	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	0
Tổng cộng			4.616.212.828

Phụ lục 02

Giá trị hỗ trợ thuê nhà ở do giải phóng mặt bằng (đợt 36) Khu phi thuế quan thuộc dự án Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội

(Kèm theo Quyết định số 130 /QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Hỗ trợ thuê nhà
1	Nguyễn Thị Bốn	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	12.000.000
2	Trần Ly Trần Thị Chín	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	12.000.000
3	Trần Dư	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	12.000.000
4	Đặng Hùng Nguyễn Thị Tài	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	12.000.000
5	Phạm Hồi Lê Thị Liên	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	12.000.000
6	Phạm Tiến Dũng Nguyễn Thị Thanh	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	12.000.000
7	Lê Mãi	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	12.000.000
8	Trịnh Khai Trần Thị Vân	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	12.000.000
Tổng cộng			96.000.000

Handwritten signature

Phụ lục 03

**Giá trị thưởng giao trả mặt bằng sớm do GPMB (đợt 36) Khu phi thuế quan
thuộc dự án Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội**

(Kèm theo Quyết định số **730** /QĐ-UBND ngày **08/3/2017**
của Chủ tịch UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Cấp nhà	Giá trị thưởng giao trả mặt bằng (nếu có)
1	Nguyễn Thị Bốn	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	N ₆	7.000.000
2	Trần Ly Trần Thị Chín	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	N ₅	7.000.000
3	Trần Dur	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	N ₅	7.000.000
4	Đặng Hùng Nguyễn Thị Tài	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	N ₈	7.000.000
5	Phạm Hồi Lê Thị Liên	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	N ₅	7.000.000
6	Phạm Tiến Dũng Nguyễn Thị Thanh	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	N ₈	7.000.000
7	Lê Mãi	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	N ₅	7.000.000
8	Trịnh Khai Trần Thị Vân	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	N ₅	7.000.000
Tổng cộng				56.000.000

Handwritten signature

Phụ lục 04

Bố trí đất tái định cư và tiền sử dụng đất phải nộp của các hộ gia đình, cặp vợ chồng bị ảnh hưởng do GPMB (đợt 36)

Khu phi thuế quan thuộc dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội

(Kèm theo Quyết định số 730 /QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Lô đất bố trí tái định cư						Tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Lô số	Tên đường	Khu	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Đơn giá đất sát giá thị trường (đồng/m ²)		
I	Khu tái định cư Nhơn Phước mở rộng về phía Nam 2									
1	Nguyễn Thị Bốn	Hội Lợi, Nhơn Hội	18	ĐSA3	ĐO6	250	400.000	450.000	100.000.000	Nộp 250m ² theo đơn giá đất cụ thể
2	Lê Mãi	Hội Lợi, Nhơn Hội	17	ĐSA3	ĐO6	250	400.000	450.000	100.000.000	Nộp 250m ² theo đơn giá đất cụ thể
II	Khu tái định cư Nhơn Phước giai đoạn 2 và phần mở rộng về phía Bắc 15ha									
1	Nguyễn Tấn Thành Lê Thị Hương	Hội Lợi, Nhơn Hội	308a	ĐS9A	B4	150	350.000	400.000	57.500.000	Nộp 50m ² theo đơn giá đất cụ thể và 100m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 2 trong hộ Nguyễn Thị Bốn)



Handwritten signature

2	Nguyễn Duy Sơn Huỳnh Thị Thu	Hội Lợi, Nhơn Hội	308b	ĐS9A	B4	150	350.000	400.000	60.000.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 3 trong hộ Nguyễn Thị Bốn)
3	Trần Lý Trần Thị Chín	Hội Lợi, Nhơn Hội	293	ĐS15A	B4	200	460.000	500.000	92.000.000	Nộp 200m ² theo đơn giá đất cụ thể
4	Hà Văn Tuấn Trần Thị Mỹ Linh	Hội Lợi, Nhơn Hội	313b	ĐS9A	B4	150	350.000	400.000	59.985.000	Nộp 0,3m ² theo đơn giá đất cụ thể và 149,7m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 2 trong hộ Trần Lý)
5	Trần Văn Cường Phạm Thị Hòa	Hội Lợi, Nhơn Hội	312b	ĐS9A	B4	150	350.000	400.000	60.000.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 3 trong hộ Trần Lý)
6	Trần Minh Nguyễn Thị Hên	Hội Lợi, Nhơn Hội	312a	ĐS9A	B4	150	350.000	400.000	60.000.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 4 trong hộ Trần Lý)
7	Trần Dư	Hội Lợi, Nhơn Hội	60	ĐS27A	A2	250	490.000	530.000	122.500.000	Nộp 250m ² theo đơn giá đất cụ thể
8	Trần Văn Thắng Nguyễn Thị Tâm	Hội Lợi, Nhơn Hội	307a	ĐS9A	B4	150	350.000	400.000	57.500.000	Nộp 50m ² theo đơn giá đất cụ thể và 100m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 2 trong hộ Trần Dư)

Trần Văn Thắng

9	Trần Cường Lê Thị Mỹ Nhung	Hội Lợi, Nhơn Hội	313a	ĐS9A	B4	150	350.000	400.000	60.000.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 3 trong hộ Trần Du)
10	Đặng Hùng Nguyễn Thị Tài	Hội Lợi, Nhơn Hội	88	ĐS27A	B1	200	490.000	530.000	98.000.000	Nộp 200m ² theo đơn giá đất cụ thể
11	Đặng Tấn Giới Võ Thị Thanh Diệu	Hội Lợi, Nhơn Hội	310b	ĐS9A	B4	150	350.000	400.000	59.320.000	Nộp 13,6m ² theo đơn giá đất cụ thể và 136,4m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 2 trong hộ Đặng Hùng)
12	Đặng Văn Mạnh Trần Thị Thảo	Hội Lợi, Nhơn Hội	309	ĐS9A	B4	150	350.000	400.000	60.000.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 3 trong hộ Đặng Hùng)
13	Phạm Hồi Lê Thị Liên	Hội Lợi, Nhơn Hội	295	ĐS15A	B4	200	460.000	500.000	92.000.000	Nộp 200m ² theo đơn giá đất cụ thể
14	Phạm Đình Khoa Phan Thị Nhàn	Hội Lợi, Nhơn Hội	266	ĐS15A	B3	150	460.000	500.000	73.000.000	Nộp 50m ² theo đơn giá đất cụ thể và 100m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 2 trong hộ Phạm Hồi)
15	Phạm Văn Kinh Trần Thị Nhàn	Hội Lợi, Nhơn Hội	310a	ĐS9A	B4	150	350.000	400.000	60.000.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 3 trong hộ Phạm Hồi)

16	Phạm Văn Hải Nguyễn Thị Mỹ Thắm	Hội Lợi, Nhơn Hội	311	ĐS9A	B4	150	350.000	400.000	60.000.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 4 trong hộ Phạm Hồi)
17	Phạm Tiến Dũng Nguyễn Thị Thanh	Hội Lợi, Nhơn Hội	87	ĐS27A	B1	200	490.000	530.000	98.000.000	Nộp 200m ² theo đơn giá đất cụ thể
18	Lê Thành Tân Nguyễn Thị Lan	Hội Lợi, Nhơn Hội	314b	ĐS9A	B4	150	350.000	400.000	57.500.000	Nộp 50m ² theo đơn giá đất cụ thể và 100m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 2 trong hộ Lê Mãi)
19	Trịnh Khai Trần Thị Vân	Hội Lợi, Nhơn Hội	59	ĐS27A	A2	200	490.000	530.000	98.000.000	Nộp 200m ² theo đơn giá đất cụ thể
Tổng tiền sử dụng đất phải nộp									1.585.305.000	

Trachinh